TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **272**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2026
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Ông Nguyễn Lâm Bưu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mộng K, sinh năm 2003. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố TT, phường SQ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Bảo T, sinh năm 2002. *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Khu phố MN, phường SQ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 06/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mộng K trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc phường SQ, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ đó đến nay. Hiện vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 18/4/2024 hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Bảo T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mộng K, cho chị K được ly hôn với anh Trần Bảo T.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 18/4/2024 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị K xin vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị K, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2023, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (nay là phường SQ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2023 ngày 20/5/2023 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, chị không muốn hàn gắn tình cảm; nguyên nhân theo chị K trình bày do bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị K. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh T mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị K đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên cho thấy hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị được ly hôn với anh T là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 18/4/2024. Xét yêu cầu của chị K về việc được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở; bởi lẽ cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi rất cần mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hơn nữa anh T cũng không phản đối yêu cầu này của chị. Do đó, cần thiết giao cháu N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng và điều này cũng phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị K yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mộng K. Chị Phạm Thị Mộng K được ly hôn với anh Trần Bảo T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 18/4/2024 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006067 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND phường SQ, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.